

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 04 - 6 - 2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.

Ông Ngô Văn Cơ.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trà Ngọc M, sinh năm 2000 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Lâm Minh H, sinh năm 1998 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn bà Trà Ngọc M trình bày: Bà Trà Ngọc M và ông Lâm Minh H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 29/7/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì do bất đồng quan điểm sống nên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng không còn chung sống, không còn tình cảm, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Minh H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trà Ngọc M và ông Lâm Minh H có 01 người con chung tên Lâm Trà Tâm A, sinh ngày 12/01/2020, hiện nay con chung đang sống với ông Lâm Minh H. Khi ly hôn, bà M đồng ý giao con chung cho

ông Lâm Minh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ tuổi trưởng thành. Bà M không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2024 và tại phiên tòa, bị đơn ông Lâm Minh H trình bày: Ông và bà Trà Ngọc M kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung. Nay bà M yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm Minh H và bà Trà Ngọc M có 01 người con chung tên Lâm Trà Tâm A, sinh ngày 12/01/2020, hiện nay con chung đang sống với ông Lâm Minh H. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được quyền nuôi con. Yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy, nguyên đơn bà Trà Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trà Ngọc M; Về con chung: Giao cho ông Lâm Minh H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Trà Tâm A, sinh ngày 12/01/2020 đến khi đủ 18 tuổi. Bà Trà Ngọc M được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trà Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lâm Trà Tâm A, sinh ngày 12/01/2020. Mức cấp dưỡng là 900.000 đồng/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 04/6/2024 cho đến khi Lâm Trà Tâm A đủ 18 tuổi; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trà Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thông nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung:

[2] Bà Trà Ngọc M và ông Lâm Minh H kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trà Ngọc M và ông Lâm Minh H là hôn nhân hợp pháp. Bà Trà Ngọc M và ông Lâm Minh H đều thừa nhận trong quá trình chung sống giữa bà M và ông H không đồng quan điểm sống, vợ chồng không hạnh phúc, thời gian từ năm 2023 đến nay bà M và ông H không còn chung sống với nhau. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì ông H cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa bà Trà Ngọc M và ông Lâm Minh H không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thông nhất căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trà Ngọc M.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trà Ngọc M và ông Lâm Minh H có 01 người con chung tên Lâm Trà Tâm A, sinh ngày 12/01/2020, hiện nay con chung đang sống với ông Lâm Minh H. Xét thấy, kể từ khi bà M và ông H không còn chung sống với nhau thì con chung vẫn do ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được quyền nuôi con, bà M đồng ý giao con chung cho ông H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thông nhất giao con chung cho ông Lâm Minh H được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Trà Ngọc M được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trà Ngọc M không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông Lâm Minh H yêu cầu bà Trà Ngọc M cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Ông Lâm Minh H hiện nay đang trực tiếp nuôi con và có yêu cầu bà Trà Ngọc M cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thông nhất căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Minh H, buộc bà Trà Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở, thời điểm hiện tại mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng $\times \frac{1}{2} = 900.000$ đồng/tháng là có căn cứ và phù hợp. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 04/6/2024 cho đến khi con chung Lâm Trà Tâm A đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Trà Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000259 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà M phải nộp thêm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trà Ngọc M được quyền ly hôn với ông Lâm Minh H.

2. Về con chung: Giao cho ông Lâm Minh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Trà Tâm A, sinh ngày 12/01/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Trà Ngọc M được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trà Ngọc M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi chung là Lâm Trà Tâm A, sinh ngày 12/01/2020. Mức cấp dưỡng là 900.000 đồng/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 04/6/2024 cho đến khi Lâm Trà Tâm A đủ 18 tuổi.

Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Trà Ngọc M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000259

ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà M phải nộp thêm là 300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ